

THÔNG BÁO

Về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội tại dự án Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-1 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside (đợt 1)

Sở Xây dựng nhận được Thông báo số 495/TB-SDN/NOXH ngày 08/11/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội tại dự án Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-1 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside.

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP; Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP, Sở Xây dựng thông báo thông tin tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội như sau:

1. Tên dự án: Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-1 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside.

2. Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng.

3. Địa điểm: Phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Quy mô dự án: Gồm 04 tháp chung cư, mỗi khối cao 21 tầng nổi + tum thang + 01 tầng hầm chung cho 04 tháp. Tổng số căn hộ chung cư: 1.549 căn hộ (trong đó có: 285 căn hộ với diện tích sàn là 13.229 m²). Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng từ quý 2/2023.

5. Thông tin căn hộ cho thuê (đợt 1)

- Số lượng: **137 căn hộ** thuộc Tòa CT01. Diện tích căn hộ: 45m² đến 70m².

- Giá cho thuê (đã bao gồm GTGT 5%): **70.000 đồng/m²/tháng** (Đính kèm Bảng giá cho thuê từng căn hộ).

6. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội:

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký thuê nhà ở xã hội liên hệ trực tiếp chủ đầu tư để được hướng dẫn và nộp hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội:

- Thời gian hướng dẫn hồ sơ: Từ ngày ban hành Thông báo này đến hết thời gian tiếp nhận hồ sơ.

- **Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ ngày 22/12/2023 đến 29/12/2023.**

- Địa điểm: Văn phòng Ban Quản lý dự án Chung cư nhà ở xã hội tại lô đất B4-1 thuộc Khu đô thị xanh Bàu Tràm Lakeside (Đường Mê Linh rẽ vào đường Huỳnh Dạng 500m, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng). (Hotline: 0948.643.688 - 0904.643.688 - 0943 438 998). Email:

noxhbautram@gmail.com. Ngày làm việc: Từ thứ 2 ÷ hết sáng thứ 7 (trừ ngày lễ). Giờ làm việc: 08h00 - 11h00 (buổi sáng), 14h00 - 17h00 (buổi chiều).

7. Đối tượng được đăng ký thuê nhà ở xã hội

Đối tượng được đăng ký thuê nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 49 Luật Nhà ở, cụ thể:

- Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng (khoản 1 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị (khoản 4 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp (khoản 5 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân (khoản 6 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (khoản 7 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 81 của Luật Nhà ở (khoản 8 Điều 49 Luật Nhà ở).

- Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập (khoản 9 Điều 49 Luật Nhà ở)

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở (khoản 10 Điều 49 Luật Nhà ở).

8. Điều kiện được đăng ký thuê nhà ở xã hội

Đối tượng, điều kiện được đăng ký thuê nhà ở xã hội theo quy định tại Luật Nhà ở, Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP và chính sách của thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa có quyền sử dụng đất ở, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại thành phố Đà Nẵng.

- Có đăng ký thường trú tại thành phố Đà Nẵng; trường hợp không có đăng ký thường trú thì phải có đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên và đóng bảo hiểm xã hội từ 01 năm trở lên tại thành phố Đà Nẵng.

- Đối với đối tượng quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

9. Thành phần hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội

Thành phần hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và khoản 16, 17 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP và Thông tư số 09/2021/TT-BXD (*Đính kèm biểu mẫu hồ sơ*).

10. Nguyên tắc, tiêu chí xét duyệt hồ sơ đăng ký thuê nhà ở xã hội

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký (hợp lệ) bằng hoặc ít hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố cho từng loại sản phẩm thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng;

- Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký (hợp lệ) nhiều hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố cho từng loại sản phẩm thì việc xét duyệt, lựa chọn đối tượng thực hiện theo hình thức bốc thăm do chủ đầu tư tổ chức, có đại diện Sở Xây dựng tham gia giám sát. Việc bốc thăm phải có biên bản kết quả bốc thăm.

- Trường hợp có đối tượng đảm bảo quy định là người có công với cách mạng hoặc người khuyết tật thì được ưu tiên thuê nhà ở xã hội mà không phải bốc thăm với tỷ lệ nhất định. Số lượng căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên này (không thông qua bốc thăm) được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng số hồ sơ của 02 nhóm đối tượng ưu tiên này trên tổng số hồ sơ đăng ký nhân với tổng số căn hộ nhà ở xã hội. Danh sách của nhóm đối tượng ưu tiên được sắp xếp theo thứ tự theo thời điểm nộp hồ sơ. Các căn hộ dành cho các đối tượng ưu tiên được bố trí theo thứ tự của danh sách ưu tiên cho đến khi hết, các đối tượng còn lại được tiếp tục tham gia bốc thăm.

Sở Xây dựng thông báo để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết, thực hiện theo đúng quy định./.

Trần Đình Khanh
14-11-2023 14:38:00 +07:00

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Liên đoàn Lao động thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm CNTT TN&MT;
- Công ty CPĐT Sài Gòn - Đà Nẵng;
- Báo Đà Nẵng;
- Công TTĐT thành phố;
- Trang TTĐT Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QLN (H).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hoàng

BẢNG GIÁ CHO THUÊ
CHUNG CƯ NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI LÔ ĐẤT B4-1
THUỘC KHU ĐÔ THỊ XANH BÀU TRÀM LAKESIDE (ĐỢT 1)
(Đính kèm Thông báo số /TB-SXD ngày /11/2023 của Sở Xây dựng)

STT	TÒA	MÃ CĂN	SỐ PHÒNG NGỦ	DIỆN TÍCH SÀN NHÀ Ở (m ²)	GIÁ CHO THUÊ (đồng/tháng)
1	CT1	CT1-CH02.04	3	68.20	4,774,000
2	CT1	CT1-CH02.10	1	45.10	3,157,000
3	CT1	CT1-CH02.11	1	45.10	3,157,000
4	CT1	CT1-CH02.17	3	68.20	4,774,000
5	CT1	CT1-CH02.18	3	68.20	4,774,000
6	CT1	CT1-CH02.19	1	45.10	3,157,000
7	CT1	CT1-CH02.20	1	45.70	3,199,000
8	CT1	CT1-CH03.04	3	68.20	4,774,000
9	CT1	CT1-CH03.10	1	45.10	3,157,000
10	CT1	CT1-CH03.11	1	45.10	3,157,000
11	CT1	CT1-CH03.17	3	68.20	4,774,000
12	CT1	CT1-CH03.18	3	68.20	4,774,000
13	CT1	CT1-CH03.19	1	45.10	3,157,000
14	CT1	CT1-CH03.20	1	45.70	3,199,000
15	CT1	CT1-CH04.02	2	56.60	3,962,000
16	CT1	CT1-CH04.04	3	68.20	4,774,000
17	CT1	CT1-CH04.10	1	45.10	3,157,000
18	CT1	CT1-CH04.11	1	45.10	3,157,000
19	CT1	CT1-CH04.16	2	57.00	3,990,000
20	CT1	CT1-CH04.17	3	68.20	4,774,000
21	CT1	CT1-CH04.18	3	68.20	4,774,000
22	CT1	CT1-CH04.19	1	45.10	3,157,000
23	CT1	CT1-CH04.20	1	45.70	3,199,000
24	CT1	CT1-CH05.01	2	53.40	3,738,000
25	CT1	CT1-CH05.02	2	56.60	3,962,000
26	CT1	CT1-CH05.03	2	56.60	3,962,000
27	CT1	CT1-CH05.04	3	68.20	4,774,000
28	CT1	CT1-CH05.05	2	58.90	4,123,000
29	CT1	CT1-CH05.06	2	57.00	3,990,000
30	CT1	CT1-CH05.07	2	57.00	3,990,000
31	CT1	CT1-CH05.08	2	57.00	3,990,000
32	CT1	CT1-CH05.09	2	57.00	3,990,000
33	CT1	CT1-CH05.10	1	45.10	3,157,000
34	CT1	CT1-CH05.11	1	45.10	3,157,000
35	CT1	CT1-CH05.12	2	56.90	3,983,000
36	CT1	CT1-CH05.14	2	56.80	3,976,000
37	CT1	CT1-CH05.15	2	57.00	3,990,000
38	CT1	CT1-CH05.16	2	57.00	3,990,000
39	CT1	CT1-CH05.17	3	68.20	4,774,000

STT	TÒA	MÃ CĂN	SỐ PHÒNG NGỦ	DIỆN TÍCH SÀN NHÀ Ở (m ²)	GIÁ CHO THUÊ (đồng/tháng)
40	CT1	CT1-CH05.18	3	68.20	4,774,000
41	CT1	CT1-CH05.19	1	45.10	3,157,000
42	CT1	CT1-CH05.20	1	45.70	3,199,000
43	CT1	CT1-CH06.01	2	53.40	3,738,000
44	CT1	CT1-CH06.02	2	56.60	3,962,000
45	CT1	CT1-CH06.03	2	56.60	3,962,000
46	CT1	CT1-CH06.04	3	68.20	4,774,000
47	CT1	CT1-CH06.05	2	58.90	4,123,000
48	CT1	CT1-CH06.06	2	57.00	3,990,000
49	CT1	CT1-CH06.07	2	57.00	3,990,000
50	CT1	CT1-CH06.08	2	57.00	3,990,000
51	CT1	CT1-CH06.09	2	57.00	3,990,000
52	CT1	CT1-CH06.10	1	45.10	3,157,000
53	CT1	CT1-CH06.11	1	45.10	3,157,000
54	CT1	CT1-CH06.12	2	56.90	3,983,000
55	CT1	CT1-CH06.14	2	56.80	3,976,000
56	CT1	CT1-CH06.15	2	57.00	3,990,000
57	CT1	CT1-CH06.16	2	57.00	3,990,000
58	CT1	CT1-CH06.17	3	68.20	4,774,000
59	CT1	CT1-CH06.18	3	68.20	4,774,000
60	CT1	CT1-CH06.19	1	45.10	3,157,000
61	CT1	CT1-CH06.20	1	45.70	3,199,000
62	CT1	CT1-CH07.01	2	53.40	3,738,000
63	CT1	CT1-CH07.02	2	56.60	3,962,000
64	CT1	CT1-CH07.03	2	56.60	3,962,000
65	CT1	CT1-CH07.04	3	68.20	4,774,000
66	CT1	CT1-CH07.05	2	58.90	4,123,000
67	CT1	CT1-CH07.06	2	57.00	3,990,000
68	CT1	CT1-CH07.07	2	57.00	3,990,000
69	CT1	CT1-CH07.08	2	57.00	3,990,000
70	CT1	CT1-CH07.09	2	57.00	3,990,000
71	CT1	CT1-CH07.10	1	45.10	3,157,000
72	CT1	CT1-CH07.11	1	45.10	3,157,000
73	CT1	CT1-CH07.12	2	56.90	3,983,000
74	CT1	CT1-CH07.14	2	56.80	3,976,000
75	CT1	CT1-CH07.15	2	57.00	3,990,000
76	CT1	CT1-CH07.16	2	57.00	3,990,000
77	CT1	CT1-CH07.17	3	68.20	4,774,000
78	CT1	CT1-CH07.18	3	68.20	4,774,000
79	CT1	CT1-CH07.19	1	45.10	3,157,000
80	CT1	CT1-CH07.20	1	45.70	3,199,000
81	CT1	CT1-CH08.01	2	53.40	3,738,000
82	CT1	CT1-CH08.02	2	56.60	3,962,000
83	CT1	CT1-CH08.03	2	56.60	3,962,000

STT	TÒA	MÃ CĂN	SỐ PHÒNG NGỦ	DIỆN TÍCH SÀN NHÀ Ở (m ²)	GIÁ CHO THUÊ (đồng/tháng)
84	CT1	CT1-CH08.04	3	68.20	4,774,000
85	CT1	CT1-CH08.05	2	58.90	4,123,000
86	CT1	CT1-CH08.06	2	57.00	3,990,000
87	CT1	CT1-CH08.07	2	57.00	3,990,000
88	CT1	CT1-CH08.08	2	57.00	3,990,000
89	CT1	CT1-CH08.09	2	57.00	3,990,000
90	CT1	CT1-CH08.10	1	45.10	3,157,000
91	CT1	CT1-CH08.11	1	45.10	3,157,000
92	CT1	CT1-CH08.12	2	56.90	3,983,000
93	CT1	CT1-CH08.14	2	56.80	3,976,000
94	CT1	CT1-CH08.15	2	57.00	3,990,000
95	CT1	CT1-CH08.16	2	57.00	3,990,000
96	CT1	CT1-CH08.17	3	68.20	4,774,000
97	CT1	CT1-CH08.18	3	68.20	4,774,000
98	CT1	CT1-CH08.19	1	45.10	3,157,000
99	CT1	CT1-CH08.20	1	45.70	3,199,000
100	CT1	CT1-CH09.01	2	53.40	3,738,000
101	CT1	CT1-CH09.02	2	56.60	3,962,000
102	CT1	CT1-CH09.03	2	56.60	3,962,000
103	CT1	CT1-CH09.04	3	68.20	4,774,000
104	CT1	CT1-CH09.05	2	58.90	4,123,000
105	CT1	CT1-CH09.06	2	57.00	3,990,000
106	CT1	CT1-CH09.07	2	57.00	3,990,000
107	CT1	CT1-CH09.08	2	57.00	3,990,000
108	CT1	CT1-CH09.09	2	57.00	3,990,000
109	CT1	CT1-CH09.10	1	45.10	3,157,000
110	CT1	CT1-CH09.11	1	45.10	3,157,000
111	CT1	CT1-CH09.12	2	56.90	3,983,000
112	CT1	CT1-CH09.14	2	56.80	3,976,000
113	CT1	CT1-CH09.15	2	57.00	3,990,000
114	CT1	CT1-CH09.16	2	57.00	3,990,000
115	CT1	CT1-CH09.17	3	68.20	4,774,000
116	CT1	CT1-CH09.18	3	68.20	4,774,000
117	CT1	CT1-CH09.19	1	45.10	3,157,000
118	CT1	CT1-CH09.20	1	45.70	3,199,000
119	CT1	CT1-CH10.01	2	53.40	3,738,000
120	CT1	CT1-CH10.02	2	56.60	3,962,000
121	CT1	CT1-CH10.03	2	56.60	3,962,000
122	CT1	CT1-CH10.04	3	68.20	4,774,000
123	CT1	CT1-CH10.05	2	58.90	4,123,000
124	CT1	CT1-CH10.06	2	57.00	3,990,000
125	CT1	CT1-CH10.07	2	57.00	3,990,000
126	CT1	CT1-CH10.08	2	57.00	3,990,000
127	CT1	CT1-CH10.09	2	57.00	3,990,000

STT	TÒA	MÃ CĂN	SỐ PHÒNG NGỦ	DIỆN TÍCH SÀN NHÀ Ở (m²)	GIÁ CHO THUÊ (đồng/tháng)
128	CT1	CT1-CH10.10	1	45.10	3,157,000
129	CT1	CT1-CH10.11	1	45.10	3,157,000
130	CT1	CT1-CH10.12	2	56.90	3,983,000
131	CT1	CT1-CH10.14	2	56.80	3,976,000
132	CT1	CT1-CH10.15	2	57.00	3,990,000
133	CT1	CT1-CH10.16	2	57.00	3,990,000
134	CT1	CT1-CH10.17	3	68.20	4,774,000
135	CT1	CT1-CH10.18	3	68.20	4,774,000
136	CT1	CT1-CH10.19	1	45.10	3,157,000
137	CT1	CT1-CH10.20	1	45.70	3,199,000

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng

1. Tên cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin :

..... Sinh năm :

Số CMND/ CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp.....

Họ và tên (vợ/chồng) : Sinh năm :

Số CMND/CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

2. Địa chỉ :

.....

3. Số điện thoại, địa chỉ mail :

4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp :

- Đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường rà soát tình trạng nhà ở, đất ở của chúng tôi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

- Hoàn thiện thủ tục xác nhận hồ sơ đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ, sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

- Nhận văn bản xác nhận có dấu của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường.

.....

.....

7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu :

.....

....., ngày.....tháng..... năm.....

NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP

THÔNG TIN, DỮ LIỆU

(Ký và ghi họ tên cả vợ và chồng)

Lưu ý: Thực hiện chủ trương tại Công văn số 2100/UBND-SXD ngày 01/4/2020 và Công văn số 4992/UBND-SXD ngày 10/7/2020 của UBND thành phố. Trước khi các trường hợp đăng ký mua nhà ở xã hội đến UBND cấp xã, phường để xác nhận về đối tượng, thực trạng nhà ở theo quy định thì phải có giấy xác nhận sở hữu nhà, đất của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng. Do đó, đề nghị các trường hợp đăng ký mua nhà ở xã hội đến Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng (địa chỉ: số 24 đường Hồ Nguyên Trừng, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu) để được xác nhận về nhà ở, đất ở trên địa bàn thành phố **(theo mẫu số 1A)**.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HỒ SƠ KÊ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
NĂM.....

Kính gửi: - Cục Thuế thành phố Đà Nẵng
- Chi cục Thuế.....

Tôi tên là: Sinh năm :

Số chứng minh nhân dân:.....Nơi cấp:.....Ngày cấp:.....

Mã số Thuế :.....Cơ quan thuế quản lý.....

Họ và tên (vợ/chồng) : Sinh năm :

Số chứng minh nhân dân:.....Nơi cấp:.....Ngày cấp:.....

Mã số Thuế :.....Cơ quan thuế quản lý.....

Địa chỉ :

Đề có cơ sở hoàn thiện hồ sơ đăng ký mua (thuê) nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng kính đề nghị quý cơ quan Thuế xác nhận hồ sơ kê khai thuế thu nhập cá nhân của tôi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Người viết đơn
(Ký và ghi họ tên)

Lưu ý: Thực hiện chủ trương tại Công văn số 2100/UBND-SXD ngày 01/4/2020 và Công văn số 4992/UBND-SXD ngày 10/7/2020 của UBND thành phố về việc rà soát thuế thu nhập cá nhân đối với các trường hợp đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

Các đối tượng quy định tại khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 49 của Luật Nhà trước khi ngoài việc thực hiện mẫu giấy kê khai về điều kiện thu nhập, phải từ thực hiện tra cứu mã số thuế cá nhân của mình, làm đơn theo mẫu và liên hệ cơ quan thuế đang quản lý để được xác nhận của cơ quan thuế về mức thu nhập có nộp thuế thu nhập thường xuyên hay không (**theo Mẫu 1B**).

Mã số thuế cá nhân tra cứu tại trang: <http://tongcucthue.org/tra-cuu-ma-thue-thu-nhap-ca-nhan-online-tncnonline/>.

- Thuế thu nhập cá nhân cần kê khai trước hai năm kể từ thời điểm nộp đơn đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội (ví dụ: thời điểm nộp đơn năm 2020 thì phải kê khai thuế thu nhập cá nhân năm 2018 và 2019).

- Trường hợp cả vợ và chồng cùng một cơ quan thuế quản lý có thể xác nhận trên cùng một mẫu đơn.

- Trường hợp cá nhân không đăng ký mã số thuế hoặc mã số thuế được cấp và quản lý bởi cơ quan thuế ngoài thành phố Đà Nẵng thì người có đơn đăng ký mua (thuê) nhà ở xã hội có biên bản cam kết tự chịu trách nhiệm về kê khai thuế thu nhập cá nhân của mình

PHỤ LỤC I. CÁC MẪU GIẤY TỜ CHỨNG MINH ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI KHÔNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 53 LUẬT NHÀ Ở

Mẫu số 01. Mẫu đơn đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ MUA, THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI

Hình thức đăng ký¹: Mua Thuê Thuê mua

Kính gửi²:

Họ và tên người viết đơn:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số
..... cấp ngày / / tại

Nghề nghiệp³:

Nơi làm việc⁴:

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)⁵ tại:

Là đối tượng⁶:

Số thành viên trong hộ gia đình: người⁷, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào (*không áp dụng đối với trường hợp tái định cư và trường hợp trả lại nhà ở công vụ*).

Tình trạng nhà ở của hộ gia đình hiện nay như sau⁸: (có Giấy xác nhận về thực trạng nhà ở kèm theo đơn này).

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình
- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)
- Đã có đất ở nhưng diện tích khuôn viên đất ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.
- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất ở tái định cư. □

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ, hiện nay chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ □

- Khó khăn về nhà ở khác⁹ (ghi rõ nội dung)

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết 01 căn hộ (căn nhà) theo hình thức tại dự án:

+ Mong muốn được giải quyết căn hộ (căn nhà) số

+ Diện tích sàn sử dụng căn hộ..... m² (đối với nhà chung cư);

+ Diện tích sàn xây dựng.....m² (đối với nhà liền kề);

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết nhà ở xã hội. Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội./.

..... ngày tháng năm.....

Người viết đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

¹ Đánh dấu vào ô mà người viết đơn có nhu cầu đăng ký.

² Ghi tên chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

³ Nếu đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì ghi rõ nghề nghiệp, nếu là lao động tự do thì ghi là lao động tự do, nếu đã nghỉ hưu thì ghi đã nghỉ hưu....

⁴ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

⁵ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

⁶ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

⁷ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

Mẫu số 02. Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định
tại Khoản 1 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI
NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã¹⁰:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số
..... cấp ngày...../...../..... tại.....

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)¹¹ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người¹², bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:
Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:
Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:
Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:
Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5

Là đối tượng có công với cách mạng (bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc
do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ chứng minh về đối tượng kèm theo)

Thực trạng về nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau¹³:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất
của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo
quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)

- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và diện tích khuôn viên đất
phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn
chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường
về nhà ở, đất ở tái định cư.

- Khó khăn về nhà ở khác¹⁴ (ghi rõ nội dung)

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

.....Ngày thángnăm.....

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND cấp xã¹⁵ về:

- 1. Ông/Bà là đối tượng có công với cách mạng**
- 2. Về tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình đúng như nội dung đề nghị.**

3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống./.

(ký tên, đóng dấu)

¹⁰ Ghi tên UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang nơi cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên của người đề nghị xác nhận.

¹¹ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

¹² Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

¹³ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người viết đơn để đánh dấu vào 1 trong 7 ô cho phù hợp.

¹⁴ Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu

¹⁵ UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

Mẫu số 03. Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG, THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VÀ NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP; SĨ QUAN, HẠ SĨ QUAN NGHIỆP VỤ, HẠ SĨ QUAN CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN; CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Kính gửi¹⁶:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày .../.../.... tại

Nghề nghiệp: Nơi làm việc¹⁷:

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)¹⁸ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người¹⁹, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5

Là đối tượng²⁰:

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau²¹:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)

- Có nhà ở nhưng bị hư hỏng khung, tường và mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.

- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký thường trú và diện tích khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất □

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất ở tái định cư. □

- Khó khăn về nhà ở khác²² (ghi rõ nội dung).....

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... Ngày tháng năm.....

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị về đối tượng:

Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội.

(ký tên, đóng dấu)

Xác nhận của UBND cấp xã về thực trạng nhà ở:

Tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình đúng như nội dung của người đề nghị

(ký tên, đóng dấu)

¹⁶ Gửi UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đăng cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên để xác nhận về điều kiện nhà ở, đất ở. Gửi cơ quan, đơn vị đang công tác để xác nhận về đối tượng.

¹⁷ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

¹⁸ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

¹⁹ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

²⁰ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

²¹ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 7 ô cho phù hợp.

²² Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

Mẫu số 04. Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở đối với đối tượng quy định tại Khoản 4 và Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014 đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật

(Ban hành kèm theo Thông tư Số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI NGƯỜI THU NHẬP THẤP, HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO TẠI KHU VỰC ĐÔ THỊ VÀ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG VÀ NGOÀI KHU CÔNG NGHIỆP; SĨ QUAN, HẠ SĨ QUAN NGHIỆP VỤ, HẠ SĨ QUAN CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT, QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG NHÂN TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CÔNG AN NHÂN DÂN VÀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN; CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐÃ NGHỈ VIỆC, NGHỈ CHẾ ĐỘ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã²³

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày .../.../..... tại

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)²⁴ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người²⁵, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5

Là đối tượng²⁶:

Thực trạng về nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau²⁷:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

- Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)

- Có đất ở tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và diện tích khuôn viên đất phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất

- Có nhà ở gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà chưa được bồi thường về nhà ở, đất ở tái định cư. □

- Khó khăn về nhà ở khác²⁸ (ghi rõ nội dung)

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

.....Ngày tháng năm.....

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND cấp xã²⁹ về:

- 1. Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội:**
- 2. Về tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình đúng như nội dung đề nghị.**
- 3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở của Nhà nước
(ký tên, đóng dấu)**

²³ Ghi tên UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên của người đề nghị xác nhận.

²⁴ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

²⁵ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

²⁶ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

²⁷ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người viết đơn để đánh dấu vào 1 trong 7 ô cho phù hợp.

²⁸ Những khó khăn về nhà ở không thuộc các nội dung khó khăn đã nêu.

²⁹ UBND cấp xã nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

Mẫu số 05. Mẫu giấy xác nhận đối tượng và thực trạng về nhà ở đối với đối tượng quy định
tại khoản 8 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở
ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG ĐÃ TRẢ LẠI NHÀ Ở CÔNG VỤ**

Kính gửi³⁰:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp
ngày .../.../..... tại

Nghề nghiệp:

Chức vụ:

Nơi làm việc³¹:

Nơi ở hiện tại³²:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)³³ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người³⁴, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:
Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:
Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:
Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:
Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau:

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ tại³⁵

- Hiện tại chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ.

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)

**1 Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
nơi đang làm việc/trước khi nghỉ hưu:
Ông/Bà chưa có nhà ở tại nơi sinh sống
sau khi đã trả lại nhà ở công vụ**
(ký tên, đóng dấu)

**2. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn
vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị:
Ông/Bà đã trả lại nhà ở công vụ**
(ký tên, đóng dấu)

³⁰ Gửi Cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị xác nhận đang làm việc hoặc làm việc trước khi nghỉ hưu và cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị xác nhận.

³¹ Nếu đang làm việc thì mới ghi vào mục này.

³² Nơi người đề nghị xác nhận đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

³³ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

³⁴ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

³⁵ Ghi rõ địa chỉ nhà ở công vụ đã trả.

Mẫu số 07. Mẫu giấy xác nhận của UBND cấp huyện nơi đối tượng có nhà, đất bị thu hồi về việc chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VỀ VIỆC CHƯA ĐƯỢC NHÀ NƯỚC BỒI THƯỜNG BẰNG NHÀ Ở, ĐẤT Ở

Kính gửi³⁸:

Họ và tên người đề nghị được xác nhận³⁹:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày/...../..... tại.....

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)⁴⁰ tại:

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình như sau⁴¹:

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.

Tôi (hoặc hộ gia đình) có nhà, đất bị thu hồi tại địa chỉ chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... ngày tháng năm.....

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc người bị thu hồi nhà, đất chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở hoặc đất ở tái định cư
(ký tên, đóng dấu)

³⁸ Gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà, đất bị thu hồi.

³⁹ Tên người đề nghị xác nhận đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

⁴⁰ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

⁴¹ Căn cứ vào thực trạng nhà ở hiện tại của người đề nghị xác nhận để đánh dấu vào 1 trong 2 ô cho phù hợp.

Mẫu số 08. Mẫu giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng đối tượng quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

Họ và tên người kê khai:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số
..... cấp ngày...../...../..... tại

Nơi ở hiện tại⁴²:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)⁴³ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình: người⁴⁴, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

5

Là đối tượng⁴⁵:

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..... ngày tháng năm.....

Người kê khai
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị đang làm việc.

Ông/Bà là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên

(ký tên, đóng dấu)

⁴² Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

⁴³ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

⁴⁴ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

⁴⁵ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật)

Mẫu số 09. Mẫu giấy tự kê khai về Điều kiện thu nhập đối với các đối tượng quy định tại Khoản 4 và Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014 đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY TỰ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP⁴⁶

Họ và tên người kê khai:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số

cấp ngày.../...../..... tại

Nơi ở hiện tại⁴⁷:

Đăng ký thường trú (hoặc đăng ký tạm trú)⁴⁸ tại:

Số thành viên trong hộ gia đình:..... người⁴⁹, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số..... là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số..... là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số..... là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số..... là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị)

5

Là đối tượng⁵⁰:.....

Tôi và những người trong hộ gia đình có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

..., ngày... tháng.. năm

Người kê khai

(ký, ghi rõ họ tên)

⁴⁶ Trong trường hợp cần thiết Sở Xây dựng liên hệ với Cục thuế địa phương để xác minh.

⁴⁷ Ghi địa chỉ nơi người kê khai đang cư trú theo hình thức đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú từ 01 năm trở lên.

⁴⁸ Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày

31/12/2022 (người đề nghị xác nhận gửi kèm theo Mẫu này bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú). Kể từ ngày Luật Cư trú có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2021) thì việc xác nhận đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thực hiện theo quy định của Luật cư trú.

⁴⁹ Ghi rõ số lượng thành viên trong gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn

⁵⁰ Ghi rõ người đề nghị xác nhận thuộc đối tượng theo quy định được hỗ trợ nhà ở xã hội (người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị, người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ việc, nghỉ chế độ theo quy định của pháp luật.